

Cách đây 77 năm, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Chỉ thị của Lãnh tụ Hồ Chí Minh, ngày 22/12/1944, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được thành lập. Cũng từ đó, ngày 22/12 trở thành ngày có ý nghĩa lịch sử trọng đại, cũng là ngày truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam.



I. BA MƯƠI HAI NĂM THỰC HIỆN NGÀY HỘI QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN (22/12/1989 – 22/12/2021)

1. Lịch sử và ý nghĩa Ngày hội Quốc phòng toàn dân

Quốc phòng toàn dân là nền quốc phòng mang tính chất “vì dân, do dân, của dân”, phát triển theo phương hướng: toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại, kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý, điều hành của nhà nước, do nhân dân làm chủ, nhằm giữ vững hòa bình, ổn định của đất nước, sẵn sàng đánh bại mọi hành động xâm lược và bạo loạn lật đổ của các thế lực đế quốc và phản động, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Đảng, Nhà nước ta luôn nhất quán khẳng định, xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cả hệ thống chính trị, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là nòng cốt. Nền quốc phòng của Việt Nam là nền quốc phòng mang tính chất hòa bình, tự vệ và mang bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ của nền quốc phòng là bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội; chủ động đấu tranh ngăn chặn, làm thất bại

mọi âm mưu, hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Việt Nam xây dựng sức mạnh quân sự, quốc phòng dựa trên sức mạnh tổng hợp của cả nước, của khối đại đoàn kết toàn dân, của cả hệ thống chính trị do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh của lực lượng và thể trận quốc phòng toàn dân với sức mạnh của lực lượng và thể trận an ninh nhân dân. Đảng, Nhà nước ta chủ trương phát triển kinh tế – xã hội đồng thời tăng cường khả năng quốc phòng, phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại thành một thể thống nhất để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực tiễn lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, nhất là các cuộc khởi nghĩa, các cuộc chiến tranh giải phóng và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc do nhân dân ta tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng đã chứng minh sức mạnh vô địch của đại đoàn kết toàn dân tộc. Bất kỳ giai đoạn nào, phải đương đầu với kẻ thù hung bạo đến đâu, nếu cổ vũ, động viên, quy tụ được sức mạnh toàn dân thì dân tộc ta đều giành thắng lợi vĩ đại, bảo đảm sự bền vững của độc lập, tự do, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Xuất phát từ vai trò của công tác tuyên truyền, cổ vũ, động viên toàn dân tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, đồng thời thể theo nguyện vọng của quân và dân cả nước, ngày 17/10/1989, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) đã ra Chỉ thị số 381 quyết định lấy ngày 22/12 – Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam là Ngày hội Quốc phòng toàn dân. Ngày 22/12/1989, lần đầu Ngày hội Quốc phòng toàn dân được tổ chức tại tất cả các địa phương trong cả nước. Từ đó đến nay, ngày 22/12 đã trở thành ngày hội lớn của toàn dân tộc với các hoạt động hướng vào chủ đề quốc phòng và quân đội.

Lấy ngày 22/12 là Ngày hội Quốc phòng toàn dân là chủ trương lớn, quan trọng của Đảng, Nhà nước; tiếp tục khẳng định quan điểm toàn dân tham gia xây dựng, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Đây thực sự là ngày hội của truyền thống dựng nước và giữ nước, ngày hội tôn vinh và nhân lên hình ảnh cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”, một nét độc đáo của văn hóa dân tộc Việt Nam trong thời đại mới.

Ngày hội Quốc phòng toàn dân là dịp để tuyên truyền sâu rộng truyền thống đánh giặc giữ nước của dân tộc và phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”, giáo dục lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; từ đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn dân trong tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh gắn với thể trận chiến tranh nhân dân vững chắc, tăng cường sức mạnh

bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, cổ vũ, động viên toàn dân chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân vững mạnh trên từng địa phương, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam hùng mạnh trong tình hình mới.

2. Những thành tựu cơ bản qua 32 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân

Một là, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của toàn dân đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc

Hai là, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định và an ninh cho sự phát triển đất nước; làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào quá trình đổi mới đất nước, nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Ba là, sức mạnh bảo vệ Tổ quốc được tăng cường, tăng thêm khả năng ngăn chặn, loại trừ nguy cơ chiến tranh và khả năng đối phó thắng lợi các tình huống chiến tranh, các tình huống xâm phạm an ninh quốc gia, nếu xảy ra.

Bốn là, xây dựng thế chiến lược bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa phù hợp trong điều kiện mới; thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân bảo vệ Tổ quốc được triển khai rộng khắp, chặt chẽ và liên hoàn; “thế trận lòng dân” được củng cố vững chắc.

Năm là, lực lượng vũ trang mà nòng cốt là Quân đội nhân dân có chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu ngày càng cao, phát huy được vai trò trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu cơ bản đạt được sau 32 năm thực hiện Ngày hội Quốc phòng toàn dân đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới của đất nước; sức mạnh về mọi mặt được tăng cường, độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa được giữ vững, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao; tạo tiền đề để nước ta tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn mới.

II. QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM – 77 NĂM XÂY DỰNG, CHIẾN ĐẤU VÀ TRƯỞNG THÀNH

Quân đội nhân dân Việt Nam là lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, được Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức, giáo dục và rèn luyện. Trải qua 77 năm xây dựng, phát triển đã kế thừa và phát huy truyền thống và kinh nghiệm đánh giặc của dân tộc, vừa chiến đấu vừa xây dựng, ngày càng phát triển và không ngừng trưởng thành.

1. Sự ra đời của Quân đội nhân dân Việt Nam vai trò nòng cốt trong cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Trong Luận cương Chính trị đầu tiên, Đảng ta đã khẳng định sự tất yếu phải tổ chức ra quân đội công nông để giành chính quyền. Vì vậy, khi vừa ra đời, trong phong trào cách mạng 1930-1931, Đảng đã chủ trương thành lập các Đội tự vệ đỏ (xích đỏ). Những năm 1940-1945, lần lượt các tổ chức vũ trang ra đời như: Đội du kích Bắc Sơn, du kích Nam Kỳ, đội du kích Ba Tơ, đội Du kích Pắc Bó, Cứu Quốc quân. Sự phát triển mạnh mẽ, rộng khắp của phong trào đấu tranh vũ trang đòi hỏi phải có một đội quân chủ lực thống nhất về mặt tổ chức để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng giải phóng dân tộc. Nhằm đáp ứng yêu cầu đó, Tháng 12/1944 Hồ Chí Minh đã ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân gồm 34 chiến sĩ, biên chế thành 3 tiểu đội. Ngay sau ngày thành lập, ngày 25/12/1944 Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân đã Chiến thắng trận Phai Khắt, Nà Ngần đã mở đầu cho truyền thống đánh là chắc thắng, thắng ngay từ trận đầu của quân đội ta.

Tháng 4/1945, Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ, quyết định thống nhất các lực lượng vũ trang cả nước (Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu Quốc quân và các tổ chức vũ trang khác...) thành lập Việt Nam Giải phóng quân; Ngày 15/5/1945, sau buổi lễ thống nhất tại Định Biên Thượng, Định Hóa, Thái Nguyên, đồng chí Võ Nguyên Giáp được Trung ương phân công đảm nhận cương vị Tư lệnh các lực lượng vũ trang.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ trong vòng 15 ngày cuối tháng 8/1945, lực lượng vũ trang đã làm nòng cốt, hỗ trợ cho phong trào nổi dậy của quần chúng Nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Việt Nam Giải phóng quân được đổi tên thành Vệ Quốc quân. Năm 1946, Vệ Quốc quân đổi tên thành Quân đội Quốc gia Việt Nam. Năm 1950, đổi tên thành Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Quân đội nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ, chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)

a. Tham gia xây dựng, bảo vệ chính quyền và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 -1946)

Cách mạng Tháng Tám thành công, chính quyền Nhân dân ra đời đã phải đứng trước một tình thế vô cùng phức tạp, khó khăn. Vừa phải chống “giặc đói”, “giặc dốt” và các tệ nạn xã hội; vừa phải tập trung chống “giặc ngoại xâm” ngay từ đầu. Ở Nam Bộ, ngày 23 tháng 9 năm 1945, được quân Anh giúp sức, Thực dân Pháp đã trắng trợn gây hấn ở Sài Gòn, mở đầu cuộc chiến tranh

xâm lược nước ta lần thứ hai. Tại Bắc Bộ và Trung Bộ, từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 10/1945, được Đế quốc Mỹ làm hậu thuẫn, gần 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch đã chiếm đóng hầu hết các thành phố từ vĩ tuyến 16 trở ra.

Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Quân đội ta vừa xây dựng, vừa chiến đấu thực hiện tốt nhiệm vụ chống thù trong, giặc ngoài, góp phần bảo vệ vững chắc chính quyền Nhân dân trong những năm đầu sau cách mạng Tháng Tám (1945-1946).

b. Tham gia toàn quốc kháng chiến, đánh bại thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ (1946-1954)

Thực hiện âm mưu tái xâm lược nước ta, Thực dân Pháp thực hiện âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh; thất bại trong kế hoạch đánh chiếm Hà Nội trong vòng “một tuần”, ngày 7/10/1947, thực dân Pháp huy động hơn 2 vạn quân tinh nhuệ có máy bay, tàu chiến hỗ trợ, mở cuộc tiến công lớn lên Việt Bắc, hòng tiêu diệt cơ quan lãnh đạo kháng chiến và bộ đội chủ lực của ta. Với quyết tâm và tinh thần quyết thắng, Quân đội ta đã lập nên Chiến thắng Việt Bắc, làm phá sản chiến lược “Đánh nhanh, thắng nhanh” của thực dân Pháp; bảo vệ cơ quan đầu não và căn cứ của cả nước, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp phát triển sang thời kỳ mới.

Sau chiến dịch Việt Bắc, Thực dân Pháp thực hiện âm mưu “bình định” đồng bằng Bắc Bộ, cô lập căn cứ địa Việt Bắc, Đảng ta chủ trương vừa đẩy mạnh chiến tranh du kích, vừa củng cố, xây dựng lực lượng, từng bước tiến lên đánh những trận phục kích, tập kích lớn hơn, tạo tiền đề của chiến tranh chính quy về sau. Cuối năm 1949 đầu năm 1950, trước tình hình thế giới có nhiều chuyển biến tích cực, có lợi cho cuộc kháng chiến của quân và dân ta, Đảng ta đã đề ra nhiệm vụ tích cực chuẩn bị lực lượng để chuyển sang tổng phản công. Tháng 6/1950, ta mở chiến dịch Biên Giới, tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần biên giới Việt-Trung, mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, khai thông đường liên lạc với các nước xã hội chủ nghĩa.

Đầu tháng 9/1952, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Tây Bắc, nổi thông được vùng giải phóng Tây Bắc với căn cứ địa Việt Bắc và Thượng Lào. Ta giữ vững thế chủ động tiến công, làm thất bại âm mưu mở rộng chiếm đóng của địch.

Trước những thay đổi trong cục diện chiến tranh ở Đông Dương và trên cơ sở đánh giá đúng tương quan so sánh lực lượng giữa ta và địch, tháng 9/1953, ta mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Thực hiện tư tưởng tiến công chiến lược, quân và dân ta đã tiêu diệt nhiều sinh lực địch, giải phóng nhiều vùng đất đai rộng lớn, nắm quyền chủ động trên các chiến trường

Đông Dương và làm phá sản âm mưu tập trung lực lượng cơ động của Na-va, buộc chúng phải phân tán lực lượng đối phó ở khắp nơi. Kế hoạch Na-va từng bước bị phá sản.

Ngày 6/12/1953, ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, mưu trí, sáng tạo, quân và dân ta đã đập tan toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, giáng đòn quyết định, tạo bước ngoặt lịch sử làm thay đổi hẳn cục diện chiến tranh giữa ta và địch; trực tiếp đưa đến việc ký kết Hiệp định Giơ-ne-vơ về “đình chỉ chiến sự ở Việt Nam”, lập lại hòa bình ở Đông Dương, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chín năm chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ; bảo vệ và phát triển thành quả cách mạng tháng Tám. Miền Bắc được giải phóng, tạo cơ sở và điều kiện vững chắc để quân và dân ta tiến lên giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

3. Quân đội nhân dân Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 – 1975)

Sau tháng 7/1954, Quân đội ta là “trụ cột bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ hòa bình”. Nhiệm vụ và phương châm lúc này là: Tích cực xây dựng quân đội nhân dân hùng mạnh, tiến dần từng bước lên chính quy, hiện đại. Ở miền Nam, để đẩy mạnh đấu tranh vũ trang, ngày 15/2/1961, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam

Từ năm 1961 đến 1965, Quân đội ta đã cùng đồng bào miền Nam đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt của Mỹ, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của quân và dân ta bước sang một giai đoạn mới. Từ 1965 đến 1968, Cùng toàn dân đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ.

Ở miền Nam, Quân đội ta vừa xây dựng, vừa chiến đấu và phát triển lực lượng, tiến công, bẻ gãy nhiều cuộc hành quân quy mô lớn của Mỹ – quân đội Sài Gòn, đánh bại kế hoạch hai gọng kìm “tìm diệt” và “bình định” của địch, tạo điều kiện đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước phát triển lên một bước mới, làm thất bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ.

Ở miền Bắc, quân và dân ta đã anh dũng chiến đấu, đánh trả không quân, hải quân địch, giành những thắng lợi lớn. Trong 4 năm (1964-1968), quân và dân miền Bắc đã bắn rơi 3.243 máy bay các loại, bắt sống nhiều giặc lái, bắn chìm và bắn cháy 143 tàu chiến.

Giữa lúc cuộc chiến tranh leo thang của đế quốc Mỹ đến đỉnh cao nhất, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân (1968) nhằm tạo bước ngoặt lớn, chuyển chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới – thời kỳ giành thắng lợi quyết định. Chỉ trong một thời gian ngắn, quân và dân ta đã giành chiến thắng. Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt Xuân Mậu Thân 1968 trên toàn

chiến trường miền Nam, cùng với việc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ đối với miền Bắc đã giáng đòn quyết định vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, buộc Mỹ chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pari.

Thất bại trên chiến trường miền Nam, từ năm 1969, Mỹ chuyển sang thi hành “Học thuyết Níchxon” và chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”. Quân và dân ta đã phối hợp chặt chẽ với Nhân dân Lào và Campuchia chiến đấu, giành được những thắng lợi to lớn trên chiến trường ba nước Đông Dương trong Xuân – Hè 1971, tạo ra sự thay đổi quan trọng trong cục diện chiến tranh. Chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” của Mỹ bị thất bại một bước nghiêm trọng.

Đầu năm 1972, quân và dân ta mở cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam, làm thay đổi so sánh lực lượng và thay đổi cục diện chiến tranh, dồn Mỹ và nguy quyền Sài Gòn vào thế yếu trầm trọng hơn. Trước nguy cơ đổ vỡ của quân đội Sài Gòn, ngày 6/4/1972, đế quốc Mỹ huy động một lực lượng lớn không quân và hải quân mở cuộc chiến tranh đánh phá miền Bắc lần thứ hai.

Với tinh thần dũng cảm, bằng cách đánh mưu trí, linh hoạt, quân và dân miền Bắc đã đánh thắng cuộc tập kích chiến lược lần thứ hai bằng B52 của Mỹ, lập nên trận “Điện Biên Phủ trên không” tại bầu trời Hà Nội. Thắng lợi to lớn của quân và dân hai miền Bắc và Nam, buộc đế quốc Mỹ phải ký Hiệp định Pari về “chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam” (27/1/1973), cam kết tôn trọng độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, chấm dứt dính líu về quân sự, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam.

Hiệp định Pari được ký kết, đế quốc Mỹ chưa chịu từ bỏ âm mưu chia cắt lâu dài nước ta. Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị về chủ trương giải phóng miền Nam, ngày 4/3/1975, Quân đội ta mở chiến dịch Tây Nguyên – mở đầu cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975. Ngày 10 và 11/3/1975, quân ta tiến công, giải phóng thị xã Buôn Ma Thuột. Tiếp đó, từ ngày 14/3 đến ngày 3/4/1975, quân ta tiến công, giải phóng hoàn toàn tỉnh Kon Tum, Gia Lai và toàn bộ Tây Nguyên. Ngày 5/3/1975, quân ta mở chiến dịch Trị – Thiên – Huế, giải phóng tỉnh Quảng Trị (19/3); từ ngày 21-25/3/1975, quân ta tiến công, giải phóng thành phố Huế và tỉnh Thừa Thiên, tiêu diệt và làm tan dã toàn bộ quân địch trên chiến trường Trị -Thiên. Từ ngày 26- 9/3/1975, quân ta mở chiến dịch giải phóng Đà Nẵng, bán đảo Sơn Trà và thị xã Hội An (29/3), làm thay đổi hẳn cục diện và so sánh thế trận lực lượng ngày càng có lợi cho ta. Ngày 1/4/1975, giải phóng Bình

Định, Phú Yên. Ngày 3/4/1975, giải phóng Khánh Hoà nối liền vùng giải phóng từ Tây Nguyên, Trị Thiên và các tỉnh Trung Bộ.

Trên cơ sở những thắng lợi quyết định, ngày 14/4/1975, Bộ Chính trị quyết định mở chiến dịch Hồ Chí Minh nhằm giải phóng Sài Gòn và toàn miền Nam. Thực hiện tư tưởng chỉ đạo: “Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”, ngày 26/4/1975, quân ta bắt đầu nổ súng tiến công đồng loạt vào các mục tiêu, phá vỡ tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch. 5 giờ sáng ngày 30/4/1975, quân ta mở đợt tiến công cuối cùng. Vào lúc 10 giờ 45 phút, phân đội xe tăng thọc sâu của Quân đoàn 2 tiến vào dinh Độc Lập. Quân ta bắt toàn bộ nội các của chính quyền Sài Gòn, buộc Tổng thống Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Cờ Tổ quốc tung bay trước tòa nhà chính của dinh Độc Lập lúc 11 giờ 30 phút. Trong 2 ngày 30 tháng 4 và ngày 1 tháng 5, bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các Quân khu 8 và 9 nắm thời cơ, phát động quần chúng nổi dậy, tiêu diệt và làm tan rã hàng ngũ địch, giải phóng hoàn toàn các tỉnh đồng bằng Nam Bộ, vùng biển và các đảo ở Tây Nam của Tổ quốc. Hơn một triệu quân đội Sài Gòn và cả bộ máy chính quyền địch bị đập tan, chế độ thực dân mới được Mỹ dúc sức xây dựng trong hơn 20 năm với 5 đời tổng thống đã hoàn toàn sụp đổ. Chiến dịch Hồ Chí Minh đã toàn thắng, miền Nam hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch hiệp đồng quân, binh chủng quy mô lớn nhất, giành thắng lợi to lớn nhất, đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của Quân đội nhân dân Việt Nam cả về tổ chức lực lượng và trình độ chỉ huy tác chiến hiệp đồng quân, binh chủng; là đỉnh cao của nghệ thuật quân sự Việt Nam, góp phần quyết định kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

4. Quân đội nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (1975 – 2021)

a. Khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định đời sống nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng tiến lên trong giai đoạn mới

Trong giai đoạn cách mạng mới của đất nước, nhiệm vụ của quân đội được Trung ương Đảng nêu rõ: “Ra sức bảo vệ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, ... bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, vùng trời, vùng biển, biên giới và hải đảo của nước Việt Nam thống nhất”. Đồng thời “tích cực tham gia sản xuất, góp phần xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội”. Để thực hiện nhiệm vụ của Đảng trong giai đoạn cách mạng mới, Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng trong 5 năm (1976-1981).

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ do Quân ủy Trung ương và Bộ Quốc phòng đề ra, trong những năm 1975-1977, quân đội ta thực hiện điều chỉnh một bước về quân số, tổ chức biên chế vừa đẩy mạnh huấn luyện, xây dựng chính quy phù hợp với tình hình mới, vừa tham gia xây dựng đất nước. Các đơn vị quân đội đứng chân trên các vùng mới được giải phóng đã phối hợp với Ủy ban quân quản các cấp, khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng cơ sở, xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang địa phương; tổ chức cải tạo binh lính cảnh sát của bộ máy chính quyền cũ, trấn áp các phần tử và tổ chức phản động; truy quét tàn quân địch và FULRO; tích cực tham gia cải tạo tư sản công thương nghiệp, địa chủ, bãi trừ các tệ nạn xã hội; thu hồi quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật quân sự của địch, xử lý chất độc hóa học, rà phá bom mìn, góp phần ổn định đời sống nhân dân. Trong xây dựng kinh tế, toàn quân đã bố trí cán bộ, chiến sĩ chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế lâu dài. Nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, cán bộ, chiến sĩ trong quân đội đã khắc phục khó khăn, gian khổ, tham gia xây dựng tuyến đường sắt Bắc-Nam; khai hoang xây dựng các vùng kinh tế nông nghiệp, lâm nghiệp, phát triển các nông trường, lâm trường quốc doanh trên các vùng Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ...; xây dựng các công trình thủy lợi; khai thác và chế biến hải sản, xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu xây dựng và các mặt hàng dân dụng.

b. Cùng toàn dân đánh thắng hai cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia

Tháng 4/1977, tập đoàn Pôn Pốt – Iêngxari phát động cuộc chiến tranh xâm lược vùng biên giới Tây Nam. Mùa khô năm 1978, chúng đã huy động 19 trong tổng số 20 sư đoàn bộ binh mở cuộc tiến công trên toàn tuyến biên giới, gây ra nhiều cuộc thảm sát man rợ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, ngày 23/12/1978, quân và dân ta trên toàn tuyến biên giới Tây Nam đã tiến hành mở cuộc phản công chiến lược và đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của tập đoàn phản động Pôn Pốt – Iêngxari, đuổi chúng về bên kia biên giới.

Với sự giúp đỡ to lớn của Quân tình nguyện Việt Nam, ngày 7/1/1979, các lực lượng vũ trang cách mạng và quân dân Campuchia đã đánh đổ chế độ diệt chủng Pôn Pốt – Iêngxari, hồi sinh, tái thiết đất nước.

Ở biên giới phía Bắc, ngày 17/2/1979, Trung Quốc đã huy động 60 vạn quân tiến công trên toàn tuyến biên giới 6 tỉnh phía Bắc nước ta. Các lực lượng vũ trang địa phương, dân quân tự vệ đã phối hợp với một bộ phận bộ đội chủ lực cùng đồng bào các dân tộc vùng biên giới anh dũng

chiến đấu, bảo vệ vững chắc từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, buộc Trung Quốc phải rút hết quân vào ngày 16 tháng 3 năm 1979.

c. Quân đội ta đẩy mạnh huấn luyện, xây dựng nền nếp chính quy, tham gia phát triển kinh tế – xã hội

Trong những năm 1980-1986, quân đội ta đã đẩy mạnh công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, xây dựng nền nếp chính quy. Công tác huấn luyện được tiến hành cơ bản, toàn diện. Hoạt động công tác đảng, công tác chính trị từng bước được đổi mới cả về nội dung, hình thức, phương pháp tiến hành. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ năm 1979, quân đội ta đã triển khai thực hiện cuộc vận động “Phát huy bản chất tốt đẹp, nâng cao sức mạnh chiến đấu”. Cuộc vận động đã góp phần tạo nên chất lượng mới, sức chiến đấu mới của các lực lượng vũ trang nhân dân.

Trên mặt trận kinh tế, thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng về việc “tổ chức cho các đơn vị bộ đội có điều kiện tiến hành sản xuất để tự cung ứng một phần nhu cầu, huy động năng lực các xí nghiệp quốc phòng và sử dụng hợp lý lực lượng quân đội vào những hoạt động kinh tế thích hợp”, cùng với toàn dân, các đơn vị quân đội đã tích cực tham gia xây dựng kinh tế góp phần quan trọng hoàn thành nhiều công trình trọng điểm.

d. Quân đội nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Quân đội nhân dân Việt Nam đã có những đóng góp xứng đáng vào những thành tựu chung của đất nước trong hơn 30 năm đổi mới, nhất là từ năm 2005 đến nay. Đó là, quân đội đã nắm chắc và dự báo đúng tình hình liên quan đến quốc phòng – an ninh; chủ động tham mưu, đề xuất với Đảng và Nhà nước hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách; ra Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Đã tham mưu với Đảng và Nhà nước đề ra đối sách phù hợp, xử lý linh hoạt, đúng đắn các tình huống phức tạp, các vấn đề nhạy cảm về quốc phòng – an ninh, trong quan hệ đối nội và đối ngoại, không để đất nước bị động, bất ngờ về chiến lược, đồng thời không để cho các thế lực thù địch lợi dụng, chống phá; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và quan hệ tốt với các nước láng giềng; bảo đảm sự ổn định chính trị-xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế – xã hội nhanh, bền vững.

Trong thực hiện nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, quân đội đã thường xuyên nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, duy trì và thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu ở tất cả các cấp; tinh táo, chủ động và kiên quyết đấu tranh phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu, hành động phá hoại của các thế lực thù

địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và thành quả cách mạng của nhân dân. Trong thực hiện nhiệm vụ lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, quân đội đã đạt được những thành tựu mới trên tất cả các lĩnh vực. Trong công tác dân vận, quân đội đã góp phần tích cực trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện thắng lợi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia xây dựng hệ thống chính trị, tăng cường quốc phòng-an ninh, phát triển kinh tế-xã hội; tích cực giúp dân xóa đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới; phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn. Trong công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, quân đội đã triển khai đầy mạnh toàn diện, đồng bộ và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

5. Truyền thống chiến đấu và chiến thắng vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam

Trải qua 77 năm chiến đấu, xây dựng và trưởng thành, cùng với những chiến công mãi mãi ghi vào lịch sử dân tộc như những biểu tượng sáng ngời về một quân đội từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, phục vụ, Quân đội ta đã xây đắp nên những truyền thống cao đẹp của “Bộ đội Cụ Hồ”. Đó là:

- Trung thành vô hạn với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, với Đảng, Nhà nước và nhân dân.
- Quyết chiến, quyết thắng, biết đánh và biết thắng.
- Gắn bó máu thịt với nhân dân, quân với dân một ý chí.
- Đoàn kết nội bộ, cán bộ, chiến sĩ bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, thương yêu giúp đỡ nhau, trên dưới đồng lòng thống nhất ý chí và hành động.
- Kỷ luật tự giác, nghiêm minh.
- Độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng quân đội, xây dựng đất nước, tôn trọng và bảo vệ của công.
- Lối sống trong sạch, lành mạnh, có văn hóa, trung thực, khiêm tốn, giản dị, lạc quan.
- Luôn luôn nêu cao tinh thần ham học, cầu tiến bộ, nhạy cảm, tinh tế trong cuộc sống.
- Đoàn kết quốc tế trong sáng, thủy chung, chí nghĩa, chí tình.

Nhìn lại chặng đường lịch sử hào hùng 77 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự giáo dục, rèn luyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, Quân đội ta đã trưởng thành và lớn mạnh không ngừng. Từ 34 chiến sĩ trong Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân, qua 2 cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc đến thời kỳ cả nước bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội và sau đó bước vào thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế, Quân đội ta ngày càng trưởng thành vững mạnh, hoàn thiện về cơ cấu, có sức mạnh tổng hợp, với các quân chủng, binh chủng hiện đại, các binh đoàn chủ lực cơ động mạnh, đủ khả năng đánh bại mọi kẻ thù xâm lược. Nghệ thuật quân

sự, phương pháp tác chiến của Quân đội ta cũng có những phát triển vượt bậc, vừa kết hợp giữa nghệ thuật, cách đánh truyền thống, vừa bổ sung những phương pháp tác chiến hiện đại, góp phần đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn tinh vi nhất của các thế lực thù địch. Đó là niềm tự hào của cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội, các lực lượng vũ trang nói riêng và của dân tộc ta nói chung, cần phải được gìn giữ và phát huy trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở thời kỳ mới.

Trải qua hơn 77 năm chiến đấu, xây dựng, chiến thắng và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam quang vinh, quân đội ta đã phấn đấu liên tục, không ngừng giữ vững và phát huy bản chất cách mạng của “Bộ đội Cụ Hồ”.

Kỷ niệm 77 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 32 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân là dịp để chúng ta ôn lại lịch sử vẻ vang của dân tộc và những chiến công oanh liệt của quân và dân ta; khơi dậy niềm tự hào dân tộc, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, ý chí tự lực, tự cường vượt qua mọi khó khăn, thử thách; ra sức xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, là lực lượng chính trị tin cậy, đội quân chiến đấu trung thành của Đảng, Nhà nước và nhân dân, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ mới của cách mạng, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN.